SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

BẢN TIN

Công Thương ĐỒNG NAI

Kỳ số 9/2026

CHUYỂN ĐỔI SỐ, HỘI NHẬP *và* PHÁT TRIỂN











Chịu trách nhiệm xuất bản
SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Thực hiện
NGUYỄN HOÀNG QUYÊN
Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Tổng hợp

Thư từ bài viết và đóng góp ý kiến gửi về:
SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI.
Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.
Điện thoại: 0251.3823317
Email: sct@dongnai.gov.vn

Giấy phép xuất bản số: 01/GP.XBBT do Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai cấp ngày 18/6/2026.

In tại Công ty TNHH một thành viên In Công Nghiệp Phát.
Địa chỉ: 4/22/26, Tổ 1, KP. Bình Thiền, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.

Lời mở đầu

Kính thưa quý độc giả, quý doanh nghiệp và toàn thể các cơ quan, đơn vị!

Chào mừng quý vị đến với Bản tin Công Thương Đồng Nai số 09/2026.

Tiếp nối các ấn phẩm đã phát hành, Bản tin số 09/2026 mang đến bức tranh tổng quan và toàn cảnh về hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu 9 tháng đầu năm, cùng công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và bảo đảm an ninh năng lượng quý III/2026 của tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, ấn phẩm tập trung hệ thống hóa, cập nhật kịp thời các điểm nhấn pháp lý mới quan trọng.

Ban Biên tập hy vọng Bản tin số 09/2026 sẽ tiếp tục là nguồn thông tin tham khảo hữu ích, hỗ trợ thiết thực cho công tác quản lý nhà nước cũng như hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Trân trọng!

Ban Biên tập

TRONG SỐ NÀY

A.HOẠT ĐỘNG CÔNG THƯƠNG
- Hoạt động công nghiệp và thương mại 9 tháng đầu năm 2026: Toàn cảnh cả nước và dấu ấn tại Đồng Nai 1-3
- Cải cách hành chính Sở Công Thương thành phố Đồng Nai quý III/2026: Đẩy mạnh chuyển đổi số, tối ưu phục vụ người dân và doanh nghiệp 4-5
- Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu, đặt ra yêu cầu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa cho doanh nghiệp nội: Toàn cảnh cả nước và định hướng tại Đồng Nai 6-8
- Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng năm 2026: Cả nước tăng tốc, Đồng Nai khẳng định vị thế cực xuất khẩu trọng điểm 9-10
- Bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định và chủ động ứng phó áp lực năng lượng quý IV năm 2026: Toàn cảnh cả nước và định hướng tại Đồng Nai 11-13

B.ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP
- Điểm nhấn Nghị quyết số 198/2025/QH15: Đột phá cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân 14-15
- Hành lang pháp lý mới cho khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 16-18
- Điểm nhấn pháp lý về ưu đãi thuế đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dự án thứ cấp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP 19-21

C.NGÀNH HÓA CHẤT, KHOÁNG SẢN, THIẾT BỊ ĐIỆN
- Nghị định số 344/2026/NĐ-CP: Đột phá cơ chế đặt hàng, ưu đãi đầu tư và phát triển nội địa hóa ngành thiết bị điện 22-23
- Khung pháp lý cho ngành hóa chất Việt Nam theo Luật Hóa chất (69/2025/QH15) 24-25
- Điểm nhấn pháp lý và những quy định trọng tâm theo Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 26-27
- Điểm nhấn chiến lược từ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP: Bước ngoặt quản lý và phát triển bền vững ngành địa chất, khoáng sản 28-29

Hoạt động công nghiệp và thương mại 9 tháng đầu năm 2026:

TOÀN CẢNH CẢ NƯỚC VÀ DẤU ẤN TẠI ĐỒNG NAI

V.N.L



Dây chuyền sản xuất, đóng gói sản phẩm tại một cơ sở chế biến thực phẩm ở phường Bình Lộc (thành phố Đồng Nai).

Tính đến hết quý III năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi và phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Trong bức tranh chung đó, sản xuất công nghiệp và thương mại tiếp tục khẳng định vai trò là động lực chủ lực, duy trì đà tăng trưởng tích cực, tạo nền tảng quan trọng để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả năm. Tại thành phố Đồng Nai, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, thể hiện quyết tâm và nỗ lực rất lớn của Đảng bộ, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân địa phương.

1. Hoạt động sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2026 của cả nước

Theo số liệu từ Bộ Công Thương, trong tổng số 08 chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, đến hết 9 tháng năm 2026 có 06/08 chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu (trong đó có 03 chỉ tiêu vượt và 03 chỉ tiêu đạt):

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): Cả nước tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng hai con số. Ước tính IIP tháng 9/2026 tăng khoảng 16,6% - 16,9% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 9 tháng tăng khoảng 12,1% - 12,2%, nằm trong vùng mục tiêu tăng trưởng ➲

➲ cả năm (12% - 14%). Động lực dẫn dắt chính đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng gần 13,0%) và ngành sản xuất, phân phối điện (tăng trên 10,5%).

- Theo địa phương: 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều ghi nhận IIP 9 tháng tăng trưởng dương, với biên độ dao động từ 0,2% đến 40,2%. Có tới 19/34 địa phương đạt mức tăng từ 12% trở lên (trong đó 14 địa phương tăng trên 14%). Các trung tâm công nghiệp lớn như Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên duy trì mức tăng trưởng khá cao.

- Thương mại và xuất nhập khẩu: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng duy trì đà tăng trưởng ổn định, tăng khoảng 13,1-13,6%, nằm trong mục tiêu cả năm (13% - 15%). Kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt mức tăng trưởng ấn tượng 24,0%, trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 36,9% (với khoảng 90,5% là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất).

2. Tại thành phố Đồng Nai

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, khẳng định sự bứt phá mạnh mẽ qua các số liệu cụ thể khi đặt lên bàn cân so sánh với bình quân chung của cả nước:

- Tăng trưởng GRDP và quy mô kinh tế:

GRDP 6 tháng đầu năm tăng 9,90%, trong quý III UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 nâng mục tiêu phấn đấu tăng trưởng cả năm lên 11,0% (với kịch bản GRDP 9 tháng ước tăng 10,42%). Tuy nhiên, kết quả thực hiện sơ bộ 9 tháng ước tính GRDP tăng 10,01% (thấp hơn kịch bản 0,41 điểm phần trăm). Mức tăng trưởng và quyết tâm nâng cao kịch bản điều hành của Đồng Nai thể hiện sự chủ động rất lớn trong việc khai thác các dư địa tăng trưởng, bám sát và tiệm cận với đà phục hồi chung của các trung tâm kinh tế lớn trên cả nước.

- Sản xuất công nghiệp (IIP) và vai trò của ngành chế biến, chế tạo:

Lũy kế 9 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp của thành phố duy trì mức tăng trưởng ấn tượng 17,98%. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo (tiếp tục khẳng định vai trò là chiến lược, dẫn dắt đà tăng trưởng của toàn ngành) tăng 16,69%; công nghiệp khai khoáng tăng 19,82%; đặc biệt ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng vọt đến 55,33%.

Mức tăng trưởng IIP 9 tháng của Đồng Nai (17,98%) vượt trội hơn hẳn so với mức bình quân chung của cả nước (12,1% - 12,2%). Điều này cho thấy sức bật và năng lực sản xuất công nghiệp tại Đồng Nai đang thuộc nhóm dẫn đầu, đóng góp tích cực vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp quốc gia.

- Đóng góp của ngành công nghiệp và công tác bảo đảm năng lượng:

Điện thương phẩm và hệ thống cung ứng điện, xăng dầu, năng lượng cho sản xuất được vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu mở rộng quy mô của các doanh nghiệp.

Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống quốc gia 9 tháng tăng 9,5% (đạt 266,2 tỷ kWh, bằng khoảng 76% kế hoạch năm), hệ thống cung ứng năng lượng tại Đồng Nai luôn bám sát và đáp ứng kịp thời đà tăng trưởng công nghiệp hai con số của địa phương.

- Xuất nhập khẩu và thương mại:

Lũy kế 9 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 27,55 tỷ USD (tăng 7% so với cùng kỳ, đạt 67,89% kế hoạch năm với các mặt hàng chủ lực như giày dép, máy móc thiết bị, gỗ, hạt điều, dệt may...); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 19,21 tỷ USD (tăng 6%, chủ yếu phục vụ nguyên liệu sản xuất).

Trong khi kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng trưởng mạnh 24,0% (Khu vực FDI chiếm 80,9% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 29,2%, trong khi khu



Người tiêu dùng chọn mua các sản phẩm OCOP của địa phương tại siêu thị Co.opmart Đồng Xoài (phường Bình Phước).

vực doanh nghiệp trong nước chỉ tăng 6,1%), Đồng Nai vẫn duy trì thặng dư thương mại rất lớn, là một trong những địa phương xuất khẩu trọng điểm của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Cải cách hành chính và đồng hành cùng doanh nghiệp:

Ngành Công Thương và các cơ quan chức năng đã tiếp nhận và giải quyết hiệu quả hàng nghìn hồ sơ thủ tục hành chính (đặc biệt trong các lĩnh vực điện lực, hóa chất, vật liệu nổ, an toàn thực phẩm...), với tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt mức rất cao, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tháo gỡ điểm nghẽn pháp lý cho doanh nghiệp.

Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số tại Đồng Nai luôn được coi là điểm sáng, góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đồng hành thiết thực cùng cộng đồng doanh nghiệp theo đúng chủ trương cải cách quốc gia.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong quý IV năm 2026

Bước sang quý IV năm 2026, yêu cầu tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm là rất cao, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thành phố. Ngành Công Thương và các cơ quan chức năng tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh: Theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động đồng hành cùng doanh nghiệp giải quyết kịp thời các vướng mắc về nguyên nhiên liệu, đơn hàng, thủ tục hành chính và đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp.

- Bảo đảm an ninh năng lượng và nguồn cung: Thực hiện tốt công tác vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt; bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu, xăng dầu trên địa bàn; thúc đẩy các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và kích cầu tiêu dùng: Tổ chức hiệu quả các hoạt động kết nối cung - cầu, chương trình bình ổn thị trường, mở rộng thị trường xuất khẩu đồng thời khai thác tốt thị trường nội địa, đẩy mạnh thương mại điện tử.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch và thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp bứt phá về đích trong những tháng cuối năm 2026.

Những kết quả khả quan đạt được trong 9 tháng đầu năm 2026 không chỉ chứng minh cho sức bền của ngành công nghiệp - thương mại cả nước nói chung, mà còn khẳng định vị thế kinh tế đầy chủ động, sáng tạo của thành phố Đồng Nai nói riêng. ■



Người dân đến làm thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Bình Phước.

Cải cách hành chính Sở Công Thương thành phố Đồng Nai quý III/2026:

Đẩy mạnh chuyển đổi số, tối ưu phục vụ người dân và doanh nghiệp

V.N.L

Sở Công Thương thành phố Đồng Nai tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính quý III/2026. Lấy sự hài lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả, Sở đã triển khai hàng loạt giải pháp công nghệ, cắt giảm thủ tục và nâng cao chất lượng phục vụ.

1. Tối ưu hóa thủ tục hành chính và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến

Trong quý III/2026, Sở Công Thương thành phố Đồng Nai đã tiếp nhận và xử lý 2.628 hồ sơ thủ tục hành chính. Điểm sáng nổi bật là 100% hồ sơ đều được tiếp nhận và giải quyết qua môi trường trực tuyến. Trong đó, 2.089 hồ sơ đã giải quyết xong và đạt tỷ lệ đúng hạn gần như tuyệt đối (99,99%).

Song song đó, thực hiện phương án đơn giản hóa quy trình thủ tục, Sở đã cắt giảm và đơn giản hóa 25 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý (được phê duyệt tại Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 15/7/2026). Tính đến ngày 15/9/2026, toàn bộ 250 thủ tục hành chính (cấp tỉnh và cấp xã) của ngành Công Thương đều được công khai minh bạch trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, thực hiện.

Đặc biệt, từ ngày 01/8/2026, khi tiếp nhận nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), Sở đã tiếp nhận 8.595 hồ sơ và cấp phép thành công 7.197 hồ sơ, đáp ứng kịp thời nhu cầu xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn.

2. Dịch vụ công không khoảng cách và kết quả số hóa hồ sơ

Nhờ triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, người dân và doanh nghiệp hiện nay có thể thực hiện mọi thao tác nộp hồ sơ, nhận kết quả tại nhà hoặc trụ sở công ty mà không cần di chuyển trực tiếp.

- Chuyển đổi mô hình phục vụ: Trong 06 tháng đầu năm 2026, không phát sinh hồ sơ nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Do đó, Sở đã chủ động đề xuất và được UBND thành phố chấp thuận rút gọn nhân sự túc trực trực tiếp, chuyển sang tập trung toàn bộ nguồn lực xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử, tối ưu hóa bộ máy vận hành.

- Số hóa và tái sử dụng dữ liệu: 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận đều được thực hiện số hóa đầu vào. Đáng chú ý, đã có 476 hồ sơ khai thác, tái sử dụng thành công thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, giúp rút ngắn thời gian kê khai và giản lược giấy tờ cho người dân.

- Thanh toán trực tuyến: 100% thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính (57/57 thủ tục) đã được tích hợp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp phí, lệ phí.

3. Tiếp thu phản ánh, giữ vững kỷ cương công vụ

Xác định việc lắng nghe ý kiến từ thực tiễn là chìa khóa nâng cao chất lượng phục vụ, trong quý III/2026, Sở Công Thương đã tiếp nhận 26 phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua Tổng đài Dịch vụ công 1022. Kết quả, 100% phản ánh (26/26) đã được xử lý, giải đáp đúng hạn, đúng trọng tâm pháp lý và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người dân, doanh nghiệp.



Người dân đăng ký thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Trị An.

4. Nhìn nhận hạn chế và giải pháp khắc phục trong quý IV/2026

Bên cạnh những kết quả đạt được, Sở Công Thương cũng thẳng thắn chỉ ra một số khó khăn kỹ thuật: do khối lượng hồ sơ ở một số lĩnh vực tăng cao (như hóa chất, xuất nhập khẩu) nên vẫn còn áp lực về thời gian xử lý. Ngoài ra, việc hiển thị và đồng bộ dữ liệu thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đôi lúc chưa phản ánh kịp thời thời điểm hoàn tất giao dịch thực tế do phụ thuộc vào hệ thống kết nối tự động.

Hướng tới hoàn thành 100% nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2026, trong quý IV/2026, Sở Công Thương thành phố Đồng Nai tập trung triển khai các giải pháp trọng tâm:

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính; tăng cường kiểm tra, cảnh báo sớm tiến độ xử lý hồ sơ trên hệ thống nhằm hạn chế tối đa tình trạng trễ hạn.

- Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đẩy mạnh khai thác dữ liệu dùng chung để giảm bớt thành phần hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

- Kịp thời phối hợp với các cơ quan chuyên môn nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo dữ liệu kết nối thông suốt, chính xác.

- Duy trì tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị trên Tổng đài 1022 đạt 100%, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo thi đua hàng tháng, hàng quý của từng phòng, đơn vị.■

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu, đặt ra yêu cầu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa cho doanh nghiệp nội:

Toàn cảnh cả nước và định hướng tại Đồng Nai

V.N.L

Tính đến hết quý III năm 2026, bức tranh xuất nhập khẩu của cả nước tiếp tục ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ, trong đó khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) giữ vai trò chủ lực. Tại thành phố Đồng Nai, bài toán nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, kết nối chặt chẽ chuỗi cung ứng giữa doanh nghiệp nội địa với khối FDI theo các định hướng chính sách mới (đặc biệt là Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP) đang là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo động lực phát triển bền vững cho nền kinh tế địa phương.

1. Toàn cảnh đóng góp của khu vực doanh nghiệp FDI trong kim ngạch xuất khẩu 9 tháng năm 2026 của cả nước

Theo các báo cáo tổng hợp của Bộ Công Thương, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2026 ghi nhận mức tăng trưởng rất cao, vượt kế hoạch đề ra:

- Tốc độ và quy mô tăng trưởng chung: Kim ngạch xuất khẩu cả nước trong 9 tháng đạt mức tăng trưởng ấn tượng 24,0% so với cùng kỳ năm trước, tương đương với tổng kim ngạch đạt 432,76 tỷ USD.

- Vai trò chủ lực của khối FDI: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục đóng vai trò áp đảo khi đạt kim ngạch xuất khẩu 350,11 tỷ USD, chiếm tới 80,9% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn quốc.

- Thách thức về tỷ lệ nội địa hóa: Mặc dù khối FDI dẫn dắt đà tăng trưởng kim ngạch, thực tế này cũng đặt ra yêu cầu lớn cho nền kinh tế về việc gia tăng giá trị nội địa, thúc đẩy sự tham gia sâu hơn của các doanh nghiệp trong nước vào chuỗi giá trị toàn cầu, nhất là khi kim ngạch nhập khẩu linh kiện, máy móc và nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất của cả nước lên tới 454,59 tỷ USD (tăng 36,9%).

2. Tình hình xuất khẩu và bài toán kết nối chuỗi cung ứng tại thành phố Đồng Nai

Tại thành phố Đồng Nai, hoạt động xuất khẩu 9 tháng năm 2026 duy trì đà tăng trưởng ổn định, phản ánh rõ nét qua các số liệu cụ thể và sự đối chiếu với bức tranh chung:

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu:

Lũy kế 9 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu của thành phố ước đạt 27,55 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2025 và đạt khoảng 67,89% quy mô kế hoạch cả năm.

Mức tăng trưởng 7% của Đồng Nai phản ánh sự nỗ lực lớn của cộng đồng doanh nghiệp địa phương trong bối cảnh dư địa bổ sung đơn hàng còn hạn chế. Dù tỷ lệ tăng trưởng phần trăm thấp hơn mức bình



Hoạt động sản xuất giày da tại một doanh nghiệp ở phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai.

quân chung của cả nước (24,0%) do quy mô kinh tế của Đồng Nai đã đạt nền tảng lớn từ các năm trước, thành phố vẫn duy trì giá trị tuyệt đối rất cao (27,55 tỷ USD), khẳng định vị thế là một trong những cực xuất khẩu trọng điểm của quốc gia.

- Cơ cấu mặt hàng và sự tham gia của các thành phần kinh tế:

Thành phố duy trì xuất khẩu ổn định trên 40 nhóm mặt hàng chiến lược như giày dép (4 tỷ USD), máy móc thiết bị (2,93 tỷ USD), gỗ và sản phẩm gỗ (1,96 tỷ USD), hạt điều (1,9 tỷ USD), dệt may (1,5 tỷ USD)... với các thị trường lớn như Hoa Kỳ (8,7 tỷ USD), Trung Quốc (3,2 tỷ USD), Nhật Bản (2,1 tỷ USD), Hàn Quốc (1 tỷ USD).

Cơ cấu xuất khẩu của Đồng Nai cho thấy tỷ trọng lớn từ khu vực sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, áp lực nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất (với kim ngạch nhập khẩu 9 tháng ước đạt 19,21 tỷ USD, trong đó có nhập khẩu linh phụ kiện, máy móc, thiết bị, chất dẻo, hóa chất,…) cho thấy nhu cầu cấp thiết phải phát triển công nghiệp hỗ trợ tại chỗ.

- Hỗ trợ hành chính và tạo môi trường đầu tư: Ngành Công Thương và các cơ quan chức năng đã giải quyết nhanh chóng hàng trăm hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu (với 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn), tạo động lực và môi trường thông thoáng cho cả doanh nghiệp FDI lẫn doanh nghiệp nội địa đẩy mạnh giao thương.

3. Định hướng kết nối doanh nghiệp nội với khối FDI và giải pháp tăng tỷ lệ nội địa hóa theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP tại Đồng Nai

Nhằm thể chế hóa các chủ trương về phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết kinh tế giữa khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực kinh tế trong nước, thành phố Đồng Nai đang tập ➲

trung triển khai các giải pháp trọng tâm:

+ Thúc đẩy kết nối cung - cầu và liên kết chuỗi giá trị:

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ kết nối doanh nghiệp nội địa với các tập đoàn FDI lớn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng linh kiện, nguyên vật liệu, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, để đảm bảo chính sách hỗ trợ được áp dụng đúng đối tượng, các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục ưu tiên phát triển được xem xét cấp Giấy xác nhận ưu đãi khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chi tiết sau:

Điểm a: Sản phẩm của dự án phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Điểm b: Dây chuyền công nghệ, hệ thống máy móc, thiết bị của dự án phải phù hợp để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

Điểm c: Dự án phải có ít nhất một doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước tham gia làm nhà cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện chính.

+ Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng cao năng lực nội tại: Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số và nâng cao chất lượng quản trị để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về kỹ thuật, môi trường và giao hàng của khối FDI.

+ Tháo gỡ khó khăn về đơn hàng, logistics và tài chính: Tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí logistics, hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, giải quyết kịp thời các vướng mắc về thủ tục hành chính, hải quan trong giai đoạn nước rút cuối năm.

+ Mở rộng thị trường và tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA): Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại, đẩy mạnh xúc tiến thương mại sang các thị trường mới bên cạnh việc giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống lớn.

Nhìn lại bức tranh kinh tế 9 tháng đầu năm 2026, đóng góp tích cực của khối doanh nghiệp FDI tiếp tục khẳng định vị thế chủ lực của Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng trên bản đồ thương mại toàn cầu. Việc quyết liệt triển khai các cơ chế hỗ trợ, đặc biệt là hiện thực hóa các tiêu chí ưu đãi theo Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, sẽ là "đòn bẩy" quan trọng giúp doanh nghiệp nội địa Đồng Nai chủ động tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. ■



Hoạt động ứng dụng công nghệ vào vận hành sản xuất tại Công ty TNHH Action Composites Hightech Industries ở Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3.

Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng năm 2026:

Cả nước tăng tốc, Đồng Nai khẳng định vị thế cực xuất khẩu trọng điểm

N.H.Q

Tính đến hết quý III năm 2026, hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước tiếp tục ghi nhận mức bứt phá ngoạn mục, tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Trong bức tranh sôi động đó, thành phố Đồng Nai tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những trung tâm xuất khẩu hàng đầu của cả nước với quy mô kim ngạch lớn, duy trì thặng dư thương mại tích cực và đóng góp thiết thực vào nền kinh tế quốc gia.

1. Toàn cảnh kim ngạch xuất khẩu 9 tháng năm 2026 của cả nước

Theo các số liệu tổng hợp của ngành Công Thương, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2026 duy trì đà tăng trưởng rất cao và vượt kế hoạch đề ra:

- Tốc độ và quy mô tăng trưởng: Kim ngạch xuất khẩu cả nước trong 9 tháng đạt mức tăng trưởng ấn tượng 24,0% so với cùng kỳ năm trước, tương đương với tổng kim ngạch đạt 432,76 tỷ USD, vượt xa so với kế hoạch và tiến độ đề ra trong các nghị quyết điều hành.

- Động lực từ khu vực FDI và cơ cấu mặt hàng: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục đóng vai trò chủ lực khi đạt kim ngạch 350,11 tỷ USD, chiếm tới 80,9% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn quốc. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng gia tăng tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến, máy móc thiết bị, điện tử và linh kiện.

- Cán cân thương mại chung: Trong khi kim ngạch xuất khẩu đạt kết quả rất cao, kim ngạch nhập khẩu cả nước đạt 454,59 tỷ USD (tăng 36,9%, với khoảng 90,5% là máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất), dẫn đến mức nhập siêu 9 tháng của cả nước ở mức 21,83 tỷ USD.

2. Tình hình xuất khẩu 9 tháng năm 2026 tại thành phố Đồng Nai và so sánh với cả nước

Tại thành phố Đồng Nai, hoạt động xuất khẩu 9 tháng năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, thể hiện qua các số liệu tuyệt đối và tương đối cụ thể khi đặt lên bàn cân so sánh với bức tranh chung của cả nước:

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu:

Lũy kế 9 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu của thành phố ước đạt 27,55 tỷ USD (tăng 7% so với cùng kỳ năm 2025, đạt khoảng 67,89% quy mô kế hoạch cả năm theo mục tiêu hướng tới mốc 40,58 tỷ USD).

Mức tăng trưởng 7% của Đồng Nai phản ánh sự nỗ lực rất lớn của cộng đồng doanh nghiệp địa phương trong bối cảnh nhiều đơn hàng đã được chốt từ sớm và dư địa bổ sung còn hạn chế. Mặc dù tỷ lệ tăng trưởng phần trăm thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (24,0%) do quy mô kinh tế của Đồng Nai đã đạt nền tảng lớn từ các năm trước, thành phố vẫn duy trì giá trị tuyệt đối rất cao (27,55 tỷ USD), qua đó đóng góp nguồn ngoại tệ lớn cho quốc gia.

- Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ lực:

Thành phố duy trì xuất khẩu ổn định trên 40 nhóm mặt hàng chiến lược. Các nhóm hàng dẫn đầu gồm có: Giày dép ước đạt 4 tỷ USD (chiếm tỷ trọng lớn nhất 14,54%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 2,93 tỷ USD (chiếm 10,6%); Gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1,96 tỷ USD (chiếm 7,1%); Hạt điều ước đạt 1,9 ➲

➲ tỷ USD (chiếm 6,9%); Hàng dệt may ước đạt 1,5 tỷ USD (chiếm 5,6%); cùng các mặt hàng thế mạnh khác như phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 1,3 tỷ USD; cà phê ước đạt 1,1 tỷ USD; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 1,1 tỷ USD; hàng điện gia dụng và linh kiện ước đạt 1,08 tỷ USD; xơ, sợi dệt các loại ước đạt 0,8 tỷ USD.

Cơ cấu xuất khẩu của Đồng Nai phản ánh rất rõ thế mạnh đặc trưng của một trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo và nông sản xuất khẩu lớn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó tiếp tục giữ vững vị thế tốp đầu cả nước về các mặt hàng giày dép, sản phẩm từ gỗ và hạt điều.

- Thị trường xuất khẩu trọng điểm:

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch 9 tháng ước đạt 8,7 tỷ USD (chiếm 31,6% tổng kim ngạch xuất khẩu); tiếp theo là thị trường Trung Quốc ước đạt 3,2 tỷ USD (chiếm 11,8%); Nhật Bản ước đạt 2,1 tỷ USD (chiếm 7,6%); Hàn Quốc ước đạt 1 tỷ USD (chiếm 3,7%); Thái Lan ước đạt 0,6 tỷ USD (chiếm 2,2%) và nhiều thị trường quan trọng khác.

Định hướng thị trường của Đồng Nai theo định hướng chung với chiến lược xuất khẩu quốc gia, giữ vững các thị trường trọng điểm lớn (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc) đồng thời khai thác hiệu quả các thị trường khu vực châu Á và các nước có hiệp định thương mại tự do (FTA).



Hoạt động dịch vụ cảng, logistics tại Cảng Phước An (xã Phước An).

- Cán cân xuất nhập khẩu và hỗ trợ hành chính:

Song song với xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu 9 tháng của thành phố ước đạt 19,21 tỷ USD (tăng 6% so với cùng kỳ), tập trung chủ yếu vào nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất như hạt điều nguyên liệu (2,2 tỷ USD), máy móc thiết bị (2,2 tỷ USD), chất dẻo nguyên liệu (1,2 tỷ USD), máy vi tính và linh kiện (1,1 tỷ USD), hóa chất (1,08 tỷ USD). Qua đó, Đồng Nai duy trì mức xuất siêu lớn khoảng 8,34 tỷ USD, góp phần bảo đảm cân đối ngoại tệ và ổn định kinh tế vĩ mô.

Ngành Công Thương và các cơ quan chức năng đã giải quyết nhanh chóng hàng trăm hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu (với 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn), tạo động lực và môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp đẩy mạnh giao thương.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm những tháng cuối năm 2026

Để hoàn thành mục tiêu quy mô xuất khẩu cả năm theo kế hoạch đề ra, trong quý IV năm 2026, thành phố Đồng Nai xác định tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

- Đồng hành, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu: Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, tối ưu hóa chi phí logistics, giải quyết kịp thời các vướng mắc về thủ tục pháp lý, kiểm tra chuyên ngành và hải quan.

- Đa dạng hóa thị trường và tận dụng hiệp định thương mại: Khuyến khích doanh nghiệp khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA), đẩy mạnh xúc tiến thương mại sang các thị trường mới tiềm năng bên cạnh việc giữ vững các thị trường truyền thống lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU.

- Thúc đẩy sản xuất và nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng: Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và phát triển bền vững của thị trường quốc tế. ■

Bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định và chủ động ứng phó áp lực năng lượng quý IV năm 2026:

TOÀN CẢNH CẢ NƯỚC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TẠI ĐỒNG NAI

N.HQ



Công trình xây dựng đoạn đường dây 110kV 4 mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành - Nhơn Trạch 5, Long Thành - Hyosung góp phần cung ứng điện tin cậy cho khu vực Long Thành - Nhơn Trạch.

Đến hết quý III/2026, khi sản xuất và tiêu dùng cả nước tăng tốc mạnh mẽ, việc bảo đảm cung ứng điện an toàn cho quý IV/2026, mùa khô 2027 và chủ động ứng phó biến động giá năng lượng là nhiệm vụ then chốt. Tại Đồng Nai, ngành Công Thương đang triển khai đồng bộ các giải pháp an ninh năng lượng, hỗ trợ doanh nghiệp bứt phá hoàn thành mục tiêu năm.

1. Toàn cảnh an ninh năng lượng, cung ứng điện và áp lực chi phí năng lượng 9 tháng năm 2026 của cả nước

Theo các báo cáo tổng hợp của Bộ Công Thương và cơ quan chức năng, công tác đảm bảo năng lượng trong 9 tháng đầu năm 2026 đạt được những kết quả quan trọng:

- Bảo đảm cung ứng điện cho phục hồi kinh tế: Hệ thống điện quốc gia đã vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu điện năng với mức tăng trưởng rất cao phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt của người dân trong bối cảnh kim ngạch xuất khẩu toàn quốc đạt 432,76 tỷ USD (tăng 24,0% so với cùng kỳ năm trước). Công tác chuẩn bị nguồn điện, vận hành hồ chứa và phương án cung ứng cho mùa khô tiếp tục được ngành điện và các cơ quan quản lý siết chặt từ sớm, từ xa.

➲ **- Thách thức từ biến động giá dầu và chi phí năng lượng thế giới:** Thị trường năng lượng toàn cầu trong năm 2026 chứng kiến nhiều biến động phức tạp về giá dầu, than và khí đốt. Điều này tạo ra áp lực lớn trực tiếp lên chi phí đầu vào của các ngành sản xuất công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng, đòi hỏi nền kinh tế phải có chiến lược sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng phó linh hoạt.

- Xu thế chuyển dịch năng lượng và tối ưu hóa chi phí: Việc thúc đẩy các giải pháp tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ xanh, năng lượng tái tạo và cải tiến quy trình sản xuất đã trở thành xu thế tất yếu của các tỉnh thành trên cả nước nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào biến động giá nhiên liệu hóa thạch.

2. Tình hình cung ứng năng lượng và sản xuất công nghiệp tại thành phố Đồng Nai so với cả nước

Tại thành phố Đồng Nai, với vị thế là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, công tác bảo đảm điện năng và quản lý chi phí năng lượng trong 9 tháng đầu năm 2026 luôn được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua các số liệu cụ thể và sự đối chiếu với bức tranh chung:

- Quy mô phát triển kinh tế và nhu cầu năng lượng lớn:

Lũy kế 9 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu của thành phố ước đạt 27,55 tỷ USD (tăng 7% so với cùng kỳ năm 2025), cùng với khối lượng sản xuất công nghiệp rất lớn từ các khu công nghiệp tập trung. Nhu cầu sử dụng điện phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn duy trì ở mức rất cao. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai đòi hỏi hệ thống hạ tầng năng lượng phải vận hành với độ tin cậy tuyệt đối, nhu cầu năng lượng phục vụ sản xuất của thành phố vẫn đóng vai trò trọng yếu trong hành lang kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Chủ động ứng phó áp lực chi phí: Các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Đồng Nai đã tích cực phối hợp với ngành điện và cơ quan quản lý triển khai các chương trình điều chỉnh phụ tải (DR), sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó phần nào giảm bớt áp lực từ biến động giá năng lượng thế giới lên giá thành sản phẩm.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm những tháng cuối năm 2026, chuẩn bị mùa khô 2027 và định hướng phát triển hạ tầng điện tại Đồng Nai

Thực hiện chỉ đạo về việc rà soát, đánh giá tổng thể khả năng cung ứng điện phục vụ sản xuất và thu hút đầu tư, thành phố Đồng Nai tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

+ Đánh giá tổng thể hiện trạng nguồn và lưới điện toàn thành phố



Công ty Điện lực Đồng Nai thường xuyên kiểm tra, bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định trên địa bàn thành phố.

Nhìn chung, hạ tầng điện thành phố Đồng Nai về nguồn điện luôn đảm bảo cung cấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương:

- Về nguồn điện: Trên địa bàn thành phố hiện có 25 nhà máy điện (gồm 12 nhà máy thủy điện, 07 nhà máy nhiệt điện, 06 nhà máy điện mặt trời) với tổng công suất 4.928,8 MW, cung cấp cho một phần phụ tải điện thành phố Đồng Nai và phát lên Hệ thống điện Quốc gia.

- Về lưới điện truyền tải: Cung cấp điện cho khu vực thành phố Đồng Nai hiện có 14 trạm biến áp (TBA), bao gồm:

03 TBA 500kV (Long Thành, Sông Mây, Chơn Thành) với tổng công suất các máy biến áp (MBA) là 4.500 MVA.

11 TBA 220kV (Long Bình, Long Thành, Bình Long, Xuân Lộc, TP Nhơn Trạch, An Phước, Tam Phước, Long Khánh, Định Quán, Phước Long, KCN Nhơn Trạch) với tổng công suất các MBA 220kV là 6.750 MVA (bao gồm các MBA 220kV nằm trong trạm 500kV).

- Về lưới điện 110kV: Hiện trên địa bàn có 61 TBA với tổng dung lượng 7.425 MVA. Hệ thống lưới điện 110kV đảm bảo các yêu cầu về vận hành an toàn, liên tục; đáp ứng kịp thời các mục tiêu tăng trưởng phụ tải, giải tỏa công suất nguồn năng lượng tái tạo, hạn chế cắt điện và nâng cao chất lượng điện năng.

+ Chủ động tham mưu, điều chỉnh quy hoạch lưới điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp

Để đảm bảo cung cấp điện cho nhu cầu phụ tải ngày càng tăng cao, đặc biệt là các khu công nghiệp (KCN) và khu công nghệ mới hình thành giai đoạn 2026-2030 (như KCN Bàu Cạn - Tân Hiệp giai đoạn 1, KCN Minh Hưng 197ha, Minh Hưng 3 292ha, SIKICO 655ha, KCN Long Đức 2 299ha, KCN Long Đức 3 244,5ha, Khu đổi mới sáng tạo 308ha, Khu công nghệ số tập trung Long Thành 119,35ha…), công tác quy hoạch đã được chủ động đi trước một bước:

- Quy hoạch lưới điện 110kV: Sở Công Thương đã rà soát, bổ sung đầy đủ các trạm 110kV cấp điện cho toàn bộ các KCN vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo đề nghị của Ban Quản lý các KCN, KKT) và đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026.

- Kiến nghị bổ sung Quy hoạch điện VIII: Căn cứ tình hình thực tế, Sở Công Thương đã tham mưu UBND thành phố đang kiến nghị Bộ Công Thương:

+ Bổ sung mới TBA 500kV Long Thành 2 và đường dây đấu nối.

+ Bổ sung mới các TBA 220kV và điều chỉnh tiến độ quy hoạch các trạm 220kV trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh từ giai đoạn 2031-2035 đẩy sớm sang giai đoạn 2026-2030.

- Tiến độ dự án nguồn điện trọng điểm: Dự án Thủy điện Trị An mở rộng (200 MW) đang thi công đảm bảo tiến độ đề ra, dự kiến chính thức đưa vào vận hành vào cuối năm 2027, góp phần nâng cao năng lực cung ứng nguồn điện tại chỗ.

+ Vận hành an toàn cao điểm quý IV/2026, chuẩn bị mùa khô 2027 và hỗ trợ doanh nghiệp

- Bảo đảm cung ứng điện an toàn: Phối hợp chặt chẽ với ngành điện xây dựng kịch bản vận hành tối ưu cho các KCN, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thiếu điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong quý IV/2026 và mùa khô 2027.

- Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng và ứng phó chi phí: Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng kiểm toán năng lượng, cải tiến công nghệ, tham gia các chương trình điều chỉnh phụ tải (DR) nhằm tối ưu hóa chi phí điện năng trước áp lực biến động giá nhiên liệu thế giới.

- Tối ưu hóa thủ tục hành chính: Duy trì nghiêm túc tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn đạt 100%, tạo điều kiện thông thoáng nhất cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, sản xuất công nghiệp trên địa bàn. ■

Điểm nhấn Nghị quyết số 198/2025/QH15:

Đột phá cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

N.HQ

Ngày 17/5/2025, nhằm thể chế hóa toàn diện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Quốc hội khóa XV vừa chính thức thông qua Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Dưới đây là hệ thống các điểm mới cốt lõi được hệ thống hóa chi tiết theo từng điều khoản, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, nắm bắt và thực thi:

1. Cải thiện môi trường kinh doanh theo Nghị quyết số 198/2025/QH15: Giảm thanh kiểm tra, chuyển mạnh sang hậu kiểm

- Giới hạn số lần thanh tra, kiểm tra (Khoản 1 và Khoản 2, Điều 4): Số lần thanh tra hoặc kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (bao gồm cả kiểm tra liên ngành) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

- Không chồng chéo nội dung quản lý (Khoản 3, Điều 4): Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, nếu đã tiến hành thanh tra thì không thực hiện kiểm tra và ngược lại trong cùng một năm (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng).

- Ứng dụng công nghệ và miễn kiểm tra thực tế (Khoản 6 và Khoản 7, Điều 4): Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên dữ liệu điện tử; miễn kiểm tra thực tế tại cơ sở đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định pháp luật.

- Chuyển đổi phương thức quản lý (Khoản 9, Điều 4): Thực hiện chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm"; chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh (trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế).

- Bảo vệ pháp lý vững chắc cho doanh nhân (Điều 5): Phân định rõ trách nhiệm pháp nhân với cá nhân, trách nhiệm hình sự với hành chính và dân sự. Đối với vi phạm dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp dân sự, kinh tế, hành chính trước; tuyệt đối không áp dụng hồi tố quy định pháp luật gây bất lợi; bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và bảo vệ nghiêm ngặt tài sản hợp pháp của doanh nghiệp.

- Cải cách thủ tục phá sản (Điều 6): Mở rộng trường hợp áp dụng thủ tục phá sản rút gọn đối với doanh nghiệp, bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% thời gian và đơn giản hóa trình tự, thủ tục so với thông thường.

2. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất và tài sản công theo Nghị quyết số 198/2025/QH15

- Hỗ trợ hạ tầng và dành quỹ đất ưu đãi (Khoản 1, 3 và 4, Điều 7): Địa phương được dùng ngân sách hỗ trợ hạ tầng khu, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao thông, điện, nước, xử lý nước thải...). Các khu, cụm



Hoạt động sản xuất tại một doanh nghiệp chế biến thực phẩm tại phường Bình Lộc (thành phố Đồng Nai).

công nghiệp thành lập mới phải đảm bảo bố trí quỹ đất bình quân 20 ha/khu hoặc 5% diện tích đất để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Giảm sâu tiền thuê đất (Khoản 6, Điều 7): Các đối tượng ưu tiên trên được giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong 5 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng (khoản hỗ trợ này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư hạ tầng).

- Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công (Điều 8): Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng tại địa phương theo danh mục, tiêu chí và mức hỗ trợ công khai do UBND cấp tỉnh quy định.

3. Đột phá tài chính, tín dụng, ưu đãi thuế và mua sắm công theo Nghị quyết số 198/2025/QH15

- Hỗ trợ tín dụng xanh (Khoản 1, Điều 9): Hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Miễn, giảm thuế thu nhập diện rộng (Khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 10):

+ Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Miễn thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cổ phần vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ Miễn thuế TNCN trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm R&D.

- Chính sách lịch sử đối với hộ kinh doanh và lệ phí môn bài (Khoản 6 và Khoản 7, Điều 10): Kể từ ngày 01/01/2026, chấm dứt thu lệ phí môn bài trên toàn quốc; hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế mà thực hiện nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Ưu đãi đặc biệt trong mua sắm công (Điều 11): Các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa sử dụng ngân sách nhà nước có giá trị không quá 20 tỷ đồng được dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó ưu tiên doanh nghiệp do thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ hoặc doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo.

4. Hỗ trợ khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 198/2025/QH15

- Ưu đãi tài chính mạnh mẽ cho R&D (Khoản 1 và Khoản 2, Điều 12): Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế TNDN để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN bằng 200% chi phí thực tế.

- Phần mềm và nền tảng số miễn phí (Khoản 3, Điều 12 & Điều 13): Nhà nước bố trí ngân sách cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh; đồng thời triển khai Chương trình đào tạo 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030 và cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn pháp lý, kế toán, thuế, nhân sự.

5. Hình thành doanh nghiệp lớn, tập đoàn tư nhân tiên phong và tham gia dự án quốc gia theo Nghị quyết số 198/2025/QH15

- Tham gia dự án trọng điểm quốc gia (Điều 14): Kinh tế tư nhân được mở rộng tham gia vào các dự án quan trọng quốc gia, hạ tầng chiến lược (đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh...) thông qua hình thức đầu tư trực tiếp, PPP, đặt hàng, đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu.

- Chương trình phát triển doanh nghiệp tiên phong và Go Global (Điều 15): Nhà nước bố trí ngân sách triển khai Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu tiên phong trong công nghệ cao, chuyển đổi xanh và Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) hỗ trợ toàn diện về thị trường, vốn, thương hiệu, logistics và pháp lý. ■

Hành lang pháp lý mới cho khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong Luật Đầu tư số 143/2025/QH15

L.H.T.T

Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 10 chính thức thông qua vào ngày 11/12/2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2026 (theo Khoản 1 Điều 51), các quy định liên quan đến dự án khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp (CCN) tạo động lực mạnh mẽ để thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao.

1. Khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Trọng điểm ưu đãi đầu tư

Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 xác định rõ các khu vực tập trung sản xuất công nghiệp đóng vai trò là động lực quan trọng thu hút dòng vốn phát triển kinh tế - xã hội.

- Địa bàn ưu đãi đầu tư: Theo Điểm b Khoản 2 Điều 15, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (cùng với khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu kinh tế) được xếp vào nhóm địa bàn ưu đãi đầu tư. Điều này đồng nghĩa với việc các dự án triển khai tại đây sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các hỗ trợ tài chính khác theo quy định pháp luật.

- Ngành, nghề ưu đãi: Các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hóa chất trọng điểm, cơ khí trọng điểm, công nghệ số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, cùng các lĩnh vực trọng điểm khác khi hoạt động trong khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp (CCN) cũng nằm trong nhóm đối tượng được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 15.

2. Cải cách thủ tục hành chính và chấp thuận chủ trương đầu tư

Nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 quy định rõ ràng các mốc thẩm quyền và điều kiện áp dụng đối với từng loại dự án hạ tầng KCN, CCN:

- Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

+ Thuộc diện phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 14 Điều 24.

+ Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Điểm a Khoản 3 Điều 25), giúp đẩy nhanh tiến độ phê duyệt ngay tại địa phương thay vì phải trình lên các cơ quan trung ương đối với các dự án thông thường.

- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

+ Điểm sáng lớn về cắt giảm thủ tục là Điểm b Khoản 8 Điều 24, theo đó các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không thuộc diện phải chấp thuận chủ



Một góc Khu công nghiệp Biên Hòa 2.

trương đầu tư. Quy định này giúp các nhà đầu tư hạ tầng CCN tiết kiệm đáng kể thời gian chuẩn bị và triển khai dự án thực tế.

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

+ Theo Điểm a Khoản 2 Điều 26, các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trừ trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu).

+ Tuy nhiên, đối với các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư vẫn phải hoàn thành thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26.

3. Thủ tục đầu tư đặc biệt cho hạ tầng khu công nghiệp

Một trong những điểm mới mang tính cách mạng của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 là cơ chế Thủ tục đầu tư đặc biệt quy định tại Điều 28, tạo cơ chế thông thoáng tối đa cho các nhà đầu tư phát triển hạ tầng và sản xuất trong các khu vực động lực:

- Phạm vi áp dụng (Khoản 1 Điều 28): Áp dụng cho các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong khu kinh tế, trừ các dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ.

- Cắt giảm hàng loạt thủ tục hành chính (Khoản 2 Điều 28): Dự án đăng ký theo thủ tục đầu tư đặc biệt không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Lưu ý: Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đồng thời nộp đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường, việc sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao (nếu có) theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 28.

- Cơ chế thông báo khởi công (Khoản 3 Điều 28): Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Ban quản lý KCN văn bản thông báo khởi công kèm theo Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt) cùng Báo cáo kết quả thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện.

4. Cơ chế lựa chọn nhà đầu tư và vai trò của Ban quản lý

- Giao đất, cho thuê đất không qua đấu giá/đấu thầu: Theo Điểm c Khoản 4 Điều 23, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung sẽ được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- Vai trò quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế:

+ Chấp thuận chủ trương đầu tư: Theo Khoản 4 Điều 25, đối với các dự án đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Theo Khoản 1 Điều 27, Ban quản lý KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong phạm vi khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại khoản 3 Điều 27).

5. Điều khoản chuyển tiếp và chính sách an sinh, nhà ở cho người lao động

- Bảo lưu quyền lợi cho nhà đầu tư hiện hữu: Theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 52, các nhà đầu tư đã được cấp giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 có hiệu lực được tiếp tục thực hiện dự án theo các văn bản đã được cấp mà không phải thực hiện lại thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư (trừ trường hợp có nhu cầu điều chỉnh thuộc diện phải chấp thuận lại theo quy định).

- Giải quyết quỹ đất phát triển hạ tầng xã hội trong khu công nghiệp: Nhằm tháo gỡ khó khăn cho các địa phương trong việc bố trí quỹ đất phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong KCN, Khoản 12 Điều 52 cho phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu công nghiệp (đối với các khu công nghiệp thành lập trước ngày 01/7/2014) để dành một phần diện tích đất phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động.

Lưu ý: Phần diện tích này sau khi điều chỉnh quy hoạch phải nằm ngoài phạm vi ranh giới địa lý của khu công nghiệp và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan (Khoản 12 Điều 52). ■



Sản xuất gốm tại một xưởng sản xuất ở Cụm công nghiệp gốm sứ Tân Hạnh (phường Biên Hòa).



Góc nhìn tại lối vào cổng chào Khu công nghiệp Long Đức, môi trường đầu tư năng động với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

Điểm nhấn pháp lý về ưu đãi thuế đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dự án thứ cấp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

L.H.T.T

Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách thể chế và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hệ thống pháp luật thuế và quản lý đầu tư mới ban hành đã tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch. Đặc biệt, các chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) và doanh nghiệp thứ cấp được quy định rõ tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16, và hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, mang lại nhiều cơ hội phát triển bền vững cho nhà đầu tư.

1. Các mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và doanh nghiệp thứ cấp, nghĩa vụ tài chính trọng tâm là thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Cụ thể các mức thuế suất được quy định tại Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP như sau:

- **Mức thuế suất phổ thông (20%):** Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thông thường không thuộc diện ưu đãi (Khoản 1 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15 và Khoản 1 Điều 11 Nghị ➲

định số 320/2025/NĐ-CP; đồng thời áp dụng mức thuế suất này khi doanh nghiệp không đáp ứng đủ các điều kiện ưu đãi trong kỳ tính thuế theo Khoản 10 Điều 23 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

- Mức thuế suất ưu đãi 17%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng (Khoản 3 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15 và Khoản 3, Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP; lưu ý không áp dụng đối với công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất theo Điểm c Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

- Mức thuế suất ưu đãi 15%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng, hỗ trợ mạnh mẽ doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh mới chuyển đổi (Khoản 2 Điều 10 Luật số 67/2025/QH15 và Khoản 2, Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP; ngoại trừ công ty con hoặc công ty liên kết không đáp ứng điều kiện doanh thu theo Điểm c Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

2. Chính sách miễn thuế và ưu đãi đặc biệt theo quy mô, lĩnh vực, địa bàn

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ mức quy định của Chính phủ trở xuống:

Theo quy định tại Điều 3 Luật số 09/2026/QH16 (bổ sung Khoản 14a vào Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15), thu nhập của các doanh nghiệp, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam có tổng doanh thu năm từ mức quy định của Chính phủ trở xuống sẽ được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp, qua đó tạo động lực mạnh mẽ hỗ trợ khối doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ phát triển ổn định. Bên cạnh đó, doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh còn được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế theo Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

- Ưu đãi đặc biệt đối với lĩnh vực công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ:

+ Thuế suất ưu đãi (10%): Áp dụng trong thời gian 15 năm đối với các dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật (Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

+ Miễn, giảm thời gian nộp thuế: Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao được hưởng chế độ miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 9 năm tiếp theo tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

- Ưu đãi theo địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

Thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và chế độ miễn 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Điều 13, Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 19 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

3. Quy định chi tiết theo từng loại hình dự án

- Đối với dự án hạ tầng khu công nghiệp:

Trường hợp khu công nghiệp nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chủ đầu tư hạ tầng được hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, miễn 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo



Không gian khang trang tại lối vào cổng chào Cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.

(Điểm b Khoản 4 Điều 19 và Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

Trường hợp khu công nghiệp nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc Khu kinh tế/Khu công nghệ cao, chủ đầu tư được hưởng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 19 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

Trường hợp khu công nghiệp nằm tại địa bàn không thuộc vùng ưu đãi thì áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Mọi khoản thu từ cho thuê lại đất, chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật phải được kê khai, hạch toán riêng theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP để xác định nghĩa vụ thuế TNDN, đồng thời tuân thủ nguyên tắc chuyển lỗ theo Điều 7 và Điều 25 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP (lưu ý: lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư không được bù trừ với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế theo Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

- Đối với dự án hạ tầng cụm công nghiệp:

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được áp dụng các mức thuế suất ưu đãi, miễn/giảm thuế căn cứ theo địa bàn cấp tỉnh nơi cụm công nghiệp tọa lạc (thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP); đồng thời được xem xét hỗ trợ đầu tư hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung từ nguồn ngân sách địa phương theo định mức của pháp luật đầu tư công.

- Đối với dự án thứ cấp trong khu công nghiệp và cụm công nghiệp:

+ Nếu doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao sẽ được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP), miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

+ Trường hợp doanh nghiệp thứ cấp đầu tư dự án mới tại KCN/CCN nằm ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN tương ứng theo tiêu chí địa bàn đó (Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP). ■

Nghị định số 344/2026/NĐ-CP:

ĐỘT PHÁ CƠ CHẾ ĐẶT HÀNG, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NỘI ĐỊA HÓA NGÀNH THIẾT BỊ ĐIỆN

H.A.T

Nhằm cụ thể hóa Điều 8 của Luật Điện lực và tạo động lực mạnh mẽ cho hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ cùng phát triển công nghiệp chế tạo nội địa, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 344/2026/NĐ-CP ngày 04/09/2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2026.

1. Định hướng chiến lược: Xác định rõ hạng mục, thiết bị thiết yếu bảo đảm an ninh năng lượng

Căn cứ theo Điều 4 Nghị định số 344/2026/NĐ-CP, các hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng nhằm duy trì cung cấp điện liên tục phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe sau:

- Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia: Ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì ổn định cung cấp điện, nâng cao độ tin cậy hệ thống truyền tải, vận hành an toàn hệ thống điện, bảo mật dữ liệu và tránh phụ thuộc vào công nghệ có nguy cơ gây mất kiểm soát hệ thống (theo điểm a khoản 1 Điều 4).

- Đạt chuẩn chất lượng quốc tế: Là dịch vụ tư vấn đầu tư dự án nguồn điện mới, phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (theo điểm b khoản 1 Điều 4).

- Vận hành và bảo mật lưới điện: Gồm dịch vụ vận hành, bảo trì nhà máy điện, lưới điện quan trọng và giải pháp bảo mật cho hệ thống điều khiển lưới điện (theo điểm c, d khoản 1 Điều 4).

Trên cơ sở đó, theo từng thời kỳ, Bộ Công Thương có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hạng mục, thiết bị, dịch vụ tư vấn quan trọng cần sản xuất trong nước và Danh mục khuyến khích sản xuất, cung ứng (theo khoản 2 Điều 4).

2. Cơ chế đặt hàng đột phá và ưu đãi cho sản phẩm thiết bị điện nội địa

Nhằm tháo gỡ điểm nghẽn về thị trường đầu ra, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 344/2026/NĐ-CP thiết lập cơ chế đặt hàng đặc thù:

- Đặt hàng trực tiếp: Các hạng mục, thiết bị và dịch vụ tư vấn thuộc danh mục chiến lược lần đầu được sản xuất, cung cấp trong nước sẽ được xem xét đặt hàng theo quy định pháp luật về đấu thầu đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và bảo vệ môi trường (theo Điều 7 và khoản 1 Điều 8).

- Ưu đãi về giá và thủ tục: Nhà cung cấp nhận đặt hàng được ưu đãi về giá (không quá 10% so với giá thành sản phẩm nhập khẩu tương tự) khi tính giá đặt hàng, đồng thời được miễn các yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm khi tham gia (theo điểm a, b khoản 3 Điều 8).

- Hành lang pháp lý bảo vệ doanh nghiệp: Theo điểm c khoản 3 Điều 8, nhà cung cấp nhận đặt hàng được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hình sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, đặt hàng và không có mục đích vụ lợi, không có hành vi gian lận hay cố ý vi phạm pháp luật trong trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước.



Đóng điện máy biến áp thứ 3 Trạm biến áp 110kV An Phước, nâng công suất trạm lên 189MVA đáp ứng nhu cầu điện cho khu vực Long Thành - Nhơn Trạch.

3. Hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện: Từ tài chính, thử nghiệm đến nguồn nhân lực

Bên cạnh cơ chế đặt hàng, các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện còn thụ hưởng nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực quy định tại Chương III của Nghị định:

- Hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm (Điều 10): Được hỗ trợ 50% kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm.

- Ưu đãi tín dụng và đầu tư (Điều 13): Được hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước và ưu tiên vay từ các quỹ hỗ trợ đầu tư, quỹ khoa học công nghệ để thực hiện các dự án nghiên cứu, phát triển, chế tạo thử nghiệm.

- Hỗ trợ chuyên gia chất lượng cao (Điều 12): Doanh nghiệp được hỗ trợ không vượt quá 70% kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm, công nghệ và dịch vụ tư vấn chiến lược.

4. Phát triển các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng hiện đại

Tại Chương IV (từ Điều 14 đến Điều 19), Nghị định quy định rõ việc hình thành các Tổ hợp công nghiệp, dịch vụ năng lượng - khu chức năng tích hợp nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm, sản xuất thiết bị điện và cung cấp dịch vụ logistics chuyên dụng (như vận tải siêu trường siêu trọng, lắp đặt điện gió ngoài khơi).

- Ưu đãi đất đai và thuế (khoản 3 Điều 17): Các dự án sản xuất thiết bị điện, công nghiệp hỗ trợ trong Tổ hợp được Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê, được hưởng ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu và được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Đầu tư hạ tầng dùng chung (khoản 2 Điều 17): Nhà nước ưu tiên bố trí vốn đầu tư công, vốn ODA hoặc áp dụng mô hình PPP để hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật dùng chung, cảng biển chuyên dùng kết nối trong Tổ hợp.

5. Phân công trách nhiệm rõ ràng và chế tài giám sát thực thi nghiêm ngặt

Để đảm bảo kỷ cương và hiệu quả thực tế, Chương V của Nghị định phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước:

- Trách nhiệm bộ ngành, địa phương (Điều 20, Điều 21): Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cụ thể trong việc xây dựng cơ chế, bố trí nguồn lực, phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Quyền và nghĩa vụ doanh nghiệp (Điều 22): Doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện được hưởng các ưu đãi nhưng phải tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn kỹ thuật, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, công khai minh bạch chi phí và chịu trách nhiệm bảo hành sản phẩm.

- Chế tài xử lý vi phạm (khoản 3 Điều 23): Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định hoặc không thực hiện đúng cam kết khi hưởng ưu đãi sẽ bị thu hồi, truy thu các khoản ưu đãi, hỗ trợ đã nhận, đồng thời bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. ■

Khung pháp lý cho ngành hóa chất Việt Nam theo Luật Hóa chất (69/2025/QH15)

H.A.T

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV đã chính thức thông qua Luật Hóa chất (69/2025/QH15), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

1. Chiến lược phát triển và các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm

- Theo Khoản 1 và Khoản 4 Điều 4, Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến 30 năm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là căn cứ pháp lý bắt buộc để xây dựng quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quyết định chủ trương đầu tư các dự án hóa chất.

- Lĩnh vực ưu tiên trọng điểm: Khoản 1 Điều 6 xác định rõ các lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm (như sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, cao su trừ sâu lốp, phân bón hàm lượng cao, hydro và amoniac sản xuất từ năng lượng tái tạo, đầu tư khu công nghiệp chuyên ngành...). Các dự án đạt quy mô và tiến độ theo quy định sẽ được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo Luật Đầu tư (Khoản 3 Điều 6).

- Áp dụng nguyên tắc hóa học xanh: Chủ đầu tư dự án hóa chất bắt buộc phải áp dụng các nguyên tắc trong thiết kế, lựa chọn công nghệ, thiết bị nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ việc sử dụng và tạo ra hóa chất nguy hiểm (Điểm d Khoản 2 Điều 5).

2. Điều kiện khắt khe đối với hoạt động tư vấn chuyên ngành

- Ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất tại Điều 7.

- Chứng chỉ hành nghề bắt buộc: Theo Khoản 3 Điều 8, cá nhân thực hiện tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị, an toàn, an ninh hóa chất phải có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất (thời hạn 05 năm), đòi hỏi trình độ cử nhân chuyên ngành hóa học và kinh nghiệm thực tế phù hợp.

3. Phân tầng quản lý nghiêm ngặt: Từ hóa chất có điều kiện đến hóa chất cấm

Luật Hóa chất mới thiết lập 3 tầng kiểm soát chặt chẽ nhằm bịt kín các khoảng trống rủi ro từ khâu sản xuất đến tiêu thụ (Điều 9):

- Hóa chất có điều kiện: Gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện do Chính phủ ban hành. Tổ chức sản xuất hoặc kinh doanh phải tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường và bắt buộc phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh hóa chất có điều kiện (thời hạn 05 năm) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp (Điểm a Khoản 1 Điều 9; Khoản 2 Điều 10; Khoản 2 Điều 11).

- Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: Gồm các hóa chất thực thi điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc hóa chất có khả năng gây hại đến quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, con người và môi trường. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhóm này phải có Giấy phép do Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp (thời hạn 05 năm); đồng thời khi mua bán phải lập phiếu kiểm soát mua, bán và xác thực dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo lộ trình quy định (Điểm a Khoản 2 Điều 9; Khoản 3 Điều 10; Khoản 3 và Khoản 4 Điều 11; Điều 17).

- Hóa chất cấm: Là các hóa chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất, khoáng vật cấm theo Luật Đầu tư. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá

nhân thực hiện hoạt động hóa chất, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt phục vụ quốc phòng, an ninh, nghiên cứu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và phải quản lý nghiêm ngặt, lập sổ theo dõi, không để xảy ra thất thoát (Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 9; Khoản 4 Điều 10).

4. Minh bạch hóa thông tin, đăng ký hóa chất mới và chuyển đổi số

- Quản lý chặt chẽ hóa chất mới: Hóa chất chưa có trong Danh mục quốc gia hoặc danh mục quốc tế được công nhận bắt buộc phải đăng ký, đánh giá an toàn. Sau khi đăng ký, hóa chất mới sẽ tạm thời được quản lý như hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong thời gian 5 năm để đánh giá rủi ro (Điều 20, Điều 22).

- Phân loại, ghi nhãn và Phiếu an toàn hóa chất (MSDS):

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu có nghĩa vụ phân loại và ghi nhãn hóa chất theo chuẩn Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) (Điều 23).

+ Bắt buộc phải lập và cung cấp Phiếu an toàn hóa chất xuyên suốt chuỗi cung ứng từ nhà sản xuất, nhập khẩu đến đơn vị phân phối và sử dụng (Điều 25).

- Chuyển đổi số và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Điều 29 quy định việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất nhằm liên thông, đồng bộ toàn bộ dữ liệu về hóa chất, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

5. An toàn, an ninh và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

- Quy định nghiêm ngặt về khoảng cách an toàn: Điều 35 yêu cầu công trình hóa chất phải đảm bảo khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình công cộng, khu quân sự, di tích lịch sử - văn hóa... Nghiêm cấm xây dựng nhà ở hoặc công trình khác trong phạm vi khoảng cách an toàn này (trừ công trình chuyên dụng).

- Lập Kế hoạch và Biện pháp ứng phó sự cố:

+ Các cơ sở tồn trữ hóa chất đạt ngưỡng quy định phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi đưa vào vận hành (Điều 37).

+ Các cơ sở tồn trữ hóa chất nguy hiểm không thuộc diện trên hoặc các đơn vị vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải xây dựng và ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi tiến hành hoạt động (Điều 38).

- Phân cấp ứng phó sự cố: Sự cố hóa chất được chia thành 3 cấp độ (Cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp quốc gia) gắn liền với cơ chế huy động lực lượng, trang thiết bị tại chỗ và phối hợp liên ngành kịp thời khi xảy ra tình huống khẩn cấp (Điều 41).

Luật chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (riêng quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất tại Khoản 5 Điều 14 có hiệu lực từ 01/07/2026) và thay thế toàn bộ Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 (Điều 47). Các giấy phép sản xuất, kinh doanh đã cấp trước ngày Luật có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn ghi trên giấy phép (Khoản 2, Khoản 3 Điều 48). Đối với các hóa chất chuyển đổi sang danh mục kiểm soát đặc biệt hoặc danh mục có điều kiện mới, tổ chức và doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các điều kiện tuân thủ theo luật mới trước ngày 31/12/2026 (hoặc 31/12/2027 tùy theo nhóm giấy chứng nhận cụ thể). ■



Lực lượng ứng phó sử dụng tia nước áp lực cao và phao chuyên dụng để làm loãng, cô lập hóa chất rò rỉ.

Điểm nhấn pháp lý và những quy định trọng tâm theo Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15

P.T.M.L

Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được thông qua ngày 29/11/2024. Văn bản này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ triệt để tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

1. Phạm vi điều chỉnh và chính sách phát triển bền vững của Nhà nước

- Phạm vi áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật Địa chất và khoáng sản, Luật quy định việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động khoáng sản; thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản; tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh bao gồm dầu khí, nước thiên nhiên thông thường và hoạt động chế biến không gắn với dự án khai thác (khoản 2 Điều 1 Luật Địa chất và khoáng sản).

- Định hướng chiến lược và kinh tế tuần hoàn: Theo khoản 1 và khoản 3 Điều 3 Luật Địa chất và khoáng sản, Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch để bảo đảm tài nguyên được quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm; đẩy mạnh áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; đồng thời ưu tiên bố trí ngân sách và thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, tập trung đánh giá các khoáng sản chiến lược, quan trọng.

- Quyền lợi thiết thực của địa phương và người dân: Theo khoản 1 Điều 8 Luật Địa chất và khoáng sản, địa phương nơi có khoáng sản được khai thác sẽ được Nhà nước điều tiết nguồn thu để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; cộng đồng dân cư được tham gia góp ý về biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, được ưu tiên sử dụng lao động địa phương và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp kênh thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị.

2. Phân nhóm khoáng sản và trách nhiệm bảo vệ tài nguyên chưa khai thác

- Tiêu chí phân nhóm khoa học, rõ ràng: Căn cứ Điều 6 Luật Địa chất và khoáng sản, khoáng sản được phân loại thành 04 nhóm chính để thuận lợi cho công tác quản lý và cấp phép:

+ Nhóm I: Khoáng sản kim loại, khoáng sản năng lượng, đá quý, đá bán quý, khoáng chất công nghiệp.

+ Nhóm II: Khoáng sản làm vật liệu trong ngành công nghiệp xây dựng (xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, đá ốp lát, đá mỹ nghệ, vôi công nghiệp, vật liệu chịu lửa).

+ Nhóm III: Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (trừ nhóm II và IV), than bùn, bùn khoáng, nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên.

+ Nhóm IV: Khoáng sản chỉ phù hợp làm vật liệu san lấp, đắp nền móng công trình, xây dựng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai (đất sét, đất đồi, cát trừ cát sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển).

- Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên chưa khai thác: Theo khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Luật Địa chất và khoáng sản, người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển

có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích của mình, tuyệt đối không được tự ý khai thác. Khi thực hiện dự án đầu tư phát hiện khoáng sản nhóm I, II, III phải báo cáo ngay cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tổ chức bảo vệ.

3. Quy định về thăm dò, khai thác và điều kiện đối với tổ chức, cá nhân

- Điều kiện pháp lý đối với chủ thể hoạt động khoáng sản:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản, doanh nghiệp, hợp tác xã muốn tham gia thăm dò, khai thác khoáng sản phải được thành lập hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Hợp tác xã và bảo đảm năng lực tài chính.

+ Cá nhân, hộ kinh doanh chỉ được xem xét cấp phép thăm dò và khai thác đối với khoáng sản nhóm III theo quy định tại khoản 2 Điều 37 và khoản 2 Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn an toàn và bảo vệ môi trường: Theo khoản 2 Điều 60 và khoản 1 Điều 79 Luật Địa chất và khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải bố trí nhân sự chuyên môn, trang thiết bị phù hợp, lập kế hoạch quản lý rủi ro được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, lắp đặt hệ thống giám sát sản lượng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Cơ chế thu hồi khoáng sản khi thi công công trình: Căn cứ Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản, khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc cải tạo đất mà phát sinh việc thu hồi khoáng sản, chủ đầu tư phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tuân thủ đúng thiết kế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.



Lực lượng, phương tiện chuyên dụng thi công khai thác đá tại công trường mỏ đá Thiện Tân 1-2, đáp ứng các yêu cầu về an toàn lao động và bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Quản lý đặc thù đối với cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

- Kiểm soát chặt chẽ bằng công nghệ hiện đại: Theo điểm a khoản 1 Điều 86 Luật Địa chất và khoáng sản, hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển phải được kiểm soát, giám sát bằng các phương tiện, thiết bị công nghệ hiện đại để đo lường biến động trữ lượng, phòng ngừa nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển và ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa vụ minh bạch của tổ chức, cá nhân khai thác: Căn cứ khoản 2 Điều 88 Luật Địa chất và khoáng sản, chủ mỏ khai thác cát, sỏi có trách nhiệm đăng ký bến bãi tập kết, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên phương tiện vận chuyển, kết nối dữ liệu trực tiếp với cơ quan quản lý nhà nước và lắp đặt bảng thông báo công khai thông tin giấy phép tại khu vực khai thác.

5. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác

- Nguồn thu ngân sách minh bạch: Theo Điều 95 Luật Địa chất và khoáng sản, nguồn thu ngân sách nhà nước từ lĩnh vực này bao gồm thuế, phí, lệ phí; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng, thăm dò do Nhà nước đầu tư; và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Nguyên tắc đấu giá quyền khai thác: Căn cứ Điều 101 và Điều 103 Luật Địa chất và khoáng sản, việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải tuân thủ Luật Đấu giá tài sản, được thực hiện công khai đối với các khu vực đã được phê duyệt kế hoạch, đảm bảo sự cạnh tranh minh bạch và lựa chọn được các nhà đầu tư thực sự có năng lực tài chính, kỹ thuật. ■

Điểm nhấn chiến lược từ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP:

BƯỚC NGOẶT QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

P.T.M.L

Ngày 02/07/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 193/2025/NĐ-CP nhằm quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Văn bản pháp lý quan trọng này tạo động lực thúc đẩy minh bạch hóa thị trường, tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên.

1. Minh bạch hóa danh mục khoáng sản và cơ chế phân nhóm

Theo Điều 4 và Phụ lục I của Nghị định, hệ thống khoáng sản được phân định rõ ràng thành 4 nhóm chính, giúp cán bộ tra cứu thẩm quyền nhanh chóng và doanh nghiệp dễ dàng xác định:

- **Khoáng sản nhóm I:** Gồm các loại khoáng sản kim loại, khoáng sản năng lượng (trừ than bùn), đá quý và đá bán quý quy định tại Mục I Phụ lục I.

- **Khoáng sản nhóm II:** Gồm các khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng, khoáng sản làm đá ốp lát, gạch ốp lát, thủy tinh và khoáng chất công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục I.

- **Khoáng sản nhóm III:** Gồm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, bùn khoáng, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên quy định tại Mục III Phụ lục I.

- **Khoáng sản nhóm IV:** Gồm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường chỉ phục vụ san lấp, đắp nền hoặc phòng, chống thiên tai quy định tại Mục IV Phụ lục I.

- **Quy mô phân tán, nhỏ lẻ:** Bên cạnh đó, Điều 16 quy định chi tiết về quy mô tài nguyên và trữ lượng khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (dựa trên Phụ lục II), tạo cơ chế cấp phép linh hoạt, đơn giản hóa thủ tục cho các địa phương, hộ gia đình và cá nhân khi khai thác phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội chính đáng.

2. Đột phá về tài chính khoáng sản và nghĩa vụ trách nhiệm

Chương IX của Nghị định thiết lập hành lang tài chính minh bạch, giúp cơ quan thuế - tài chính thẩm định chính xác và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư:

- **Phương pháp tính tiền cấp quyền:** Theo Điều 132, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định minh bạch dựa trên trữ lượng/khối lượng khoáng sản, giá tính thuế tài nguyên và tỷ lệ thu tiền cấp quyền quy định cụ thể tại Phụ lục III của Nghị định.

- **Hoàn trả chi phí thăm dò:** Theo Điều 128 và Điều 130, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực do Nhà nước đã đầu tư thăm dò có trách nhiệm hoàn trả chi phí theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc công bằng và chống thất thoát ngân sách.

- **Quyết toán và xác định lại:** Điều 139 và Điều 141 quy định rõ lộ trình quyết toán, đồng thời hướng dẫn phương pháp xác định lại tiền cấp quyền đối với các mỏ đang hoạt động từ trước, dựa trên trữ lượng khoáng sản chưa khai thác còn lại để bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp.



Khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại mỏ Thiên Tân 3.

3. Tăng cường quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ môi trường

Nhằm lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông, hồ và vùng biển, Chương VII đặt ra các yêu cầu quản lý nghiêm ngặt làm căn cứ sắc bén cho lực lượng chức năng thực thi công vụ:

- Kiểm soát thời gian và hành trình: Theo Điều 115, tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ phải cắm mốc ranh giới khu vực khai thác, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên các phương tiện khai thác, vận chuyển. Đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian khai thác trong ngày và không được phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ vào ban đêm.

- Công khai tại bến bãi tập kết: Theo Điều 116, các bến, bãi chứa cát, sỏi phải nằm trong quy hoạch, đồng thời phải lắp đặt trạm cân, hệ thống camera giám sát khối lượng và bảng thông báo công khai thông tin giấy phép, tọa độ, thời gian hoạt động để nhân dân và cơ quan chức năng cùng giám sát.

- Truy xuất nguồn gốc: Theo Điều 117, mọi hoạt động kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp nhằm ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác trái phép.

4. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và quy trình đóng cửa mỏ minh bạch

- Tái sử dụng đất đá thải mỏ: Theo Điều 69, đất đá thải mỏ và quặng đuôi được khuyến khích tối đa hóa việc sử dụng cho san lấp mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường hoặc làm nguyên liệu san lấp cho các công trình hạ tầng, giao thông theo định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Thủ tục đóng cửa mỏ: Chương V quy định chặt chẽ hồ sơ, trình tự thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt đề án đóng cửa mỏ. Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ phục hồi môi trường, ký quỹ và bàn giao đất đai an toàn trước khi cơ quan nhà nước ra quyết định chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác. ■

Lời cảm ơn

Kính thưa quý độc giả, quý doanh nghiệp và toàn thể các cơ quan, đơn vị!

Ban Biên tập Bản tin Công Thương Đồng Nai xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cơ quan quản lý, cộng đồng doanh nghiệp và quý độc giả đã luôn quan tâm, theo dõi và đồng hành cùng bản tin trong suốt thời gian qua.

Sự đón nhận và những ý kiến đóng góp quý báu của quý vị chính là động lực to lớn giúp chúng tôi không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng nội dung, đảm bảo thông tin luôn kịp thời, chính xác, bám sát thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ và đồng hành của quý vị trong các số phát hành tiếp theo.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều thắng lợi và bứt phá thành công trong sản xuất, kinh doanh!

BAN BIÊN TẬP BẢN TIN CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai - Điện thoại: 0251.3823317

Email: sct@dongnai.gov.vn - Website: https://sct.dongnai.gov.vn